TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-12-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 24 tháng 12 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3864/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Thu H, sinh năm 1974; cư trú tại: Thôn NX, xã TT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: CHLB Đ.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh H, sinh năm 1963; hiện trú tại: CHLB Đ

Chị H và anh Hđều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Thị Thu H trình bày:

Chị H và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Frankfurt - CHLB Đức ngày 13 tháng 6 năm 2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tính cách không hợp nhau. Trên thực tế hiện anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, mỗi người đã có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa. Tuy đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Bản thân anh chị cũng đã cố gắng hòa giải để hòa hợp nhưng không có kết quả. Nay xác định tình cảm không, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo

dài nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Bùi Minh H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2014. Hiện nay cháu H đang sống cùng mẹ. Anh chị thỏa thuận để con chung Lê Bùi Minh H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng thỏa thuận tự giao nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng (đã được chứng nhận của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Frankfurt) bị đơn anh Lê Minh H trình bày thống nhất với chị Bùi Thị Thu H về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn, con chung và tài sản chung.

Do anh Lê Minh H ở nước ngoài nên theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị Thu H và anh Lê Minh H đều vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị Thu H và anh Lê Minh H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Frankfurt - CHLB Đức ngày 13 tháng 6 năm 2014 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Bùi Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, anh Lê Minh H hiện đang cư trú ở nước ngoài nên theo khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Bùi Thị Thu H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Minh H hiện đang ở nược ngoài nên vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ủy quyền cho anh Bùi Tuấn Hải là anh của anh H nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt vắng mặt chị Hvà anh H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn chị Bùi Thị Thu H và anh Lê Minh H chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính cách và quan điểm sống không phù hợp. Thêm vào đó là do điều kiện công việc, vợ chồng không có điều kiện gần gũi, chia sẻ và cảm thông với nhau cả về tình cảm, không giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày và chăn sóc nuôi dạy con cái, từ đó tình cảm vợ chồng không được gắn kết, ngày một xa cách. Mặc dù đã được hai bên già đình và bạn bè khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả.

Anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay và hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị Hxác định tình cảm không còn, nên việc chị Hđề nghị được ly hôn với anh H là hoàn toàn chính đáng.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thu H và anh Lê Minh H đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Huyền.

[4]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Bùi Minh H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2014. Anh chị thỏa thuận để con chung Lê Bùi Minh H cho chị Htrực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng thỏa thuận tự giao nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thu H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Bùi Thị Thu H và anh Lê Minh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoảng 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Minh H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Bùi Minh H, ngày 10 tháng 10 năm 2014 cho chị Bùi Thị Thu H trực tiếp nuôi con, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thỏa thuận tự giao nhận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Không ai được quyền cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm . Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010935 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Hđã nộp đủ án phí ly hôm sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

- Chị Bùi Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Anh Lê Minh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Tổng LSQ Việt Nam tại Fankfurt – CHLB Đức;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Dũng